



Working Paper 2021.1.2.07
– Vol 1, No 2

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Bùi Nhật Huy¹, Phạm Khánh Linh, Huỳnh Nguyễn Vinh và Bùi Lý Ngọc Như

Sinh viên K58 Kinh tế đối ngoại

Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Trần Tấn Phú

Sinh viên K58 Tài chính quốc tế

Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Thị Mai²

Giảng viên Khoa Cơ sở - Cơ bản

Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tóm tắt

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một quá trình vận động tất yếu theo quy luật phát triển kinh tế. Bài viết này nhằm mục tiêu phân tích chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2019. Tuy nhiên, để nền kinh tế quốc gia sớm trở thành một nền kinh tế hiện đại, phát triển đòi hỏi phải có các chính sách nhằm biến các tiềm năng, thế mạnh thành các lợi thế so sánh, tranh thủ ứng dụng tiến bộ công nghệ và tiếp tục chuyển dịch sâu cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, đồng thời có các chính sách sử dụng hợp lý các nguồn lực đầu vào, nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững.

Từ khóa: cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Việt Nam.

ECONOMIC RESTRUCTURING IN VIETNAM: CURRENT SITUATION AND POLICY IMPLICATIONS

Abstract

Economic restructuring is an inevitable process of movement according to the law of economic development. This article aims to analyze Vietnam's economic restructuring in the period 2010 - 2019. However, for the national economy to become a modern and developed economy soon, it is required to have policies to turn potentials and strengths into comparative advantages, taking advantage of the application of technological advances and continuing to deeply shift economic

¹ Tác giả liên hệ, Email: buinhathuy1911115183@ftu.edu.vn

² GV Bộ môn Cơ sở - Cơ bản, email: nguyenthimai.cs2@ftu.edu.vn

structure towards service - industry - agriculture, at the same time policies to rationally use input resources, improve the quality of growth and sustainable development.

Keywords: economic structure, economic restructuring, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Phát triển kinh tế là quá trình biến đổi của nền kinh tế, trong đó bao gồm cả sự lớn lên về quy mô sản lượng và tiến bộ, hoàn thiện về cơ cấu. Sự lớn lên về mặt số lượng và sự biến đổi cơ cấu là hai mặt không tách rời của quá trình phát triển. Nếu tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP¹) phản ánh động thái tăng trưởng thì chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CDCCKT²) phản ánh chất lượng tăng trưởng. Về mặt lý thuyết, việc CDCCKT của một quốc gia vừa là chỉ tiêu đánh giá chất lượng tăng trưởng kinh tế vừa phản ánh bản chất của quá trình công nghiệp hoá. Trong điều kiện hội nhập kinh tế toàn cầu, CDCCKT phản ánh bản chất quá trình công nghiệp hoá, khả năng thích nghi và mức độ hội nhập quốc tế của quốc gia về kinh tế. Sự thay đổi cơ cấu kinh tế nói chung và đặc biệt là cơ cấu ngành kinh tế nói riêng, về thực chất là điều chỉnh phương thức phân bổ và sử dụng các nguồn lực. Vì thế, CDCCKT theo ngành là tiêu điểm của quá trình phát triển kinh tế.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt là cơ cấu ngành kinh tế là một quá trình tất yếu gắn liền với tăng trưởng và phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế của cả nước và ở từng địa phương đã từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy lợi thế so sánh ngành và vùng lãnh thổ. Kết quả nổi bật của chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam sau 35 năm đổi mới là xu hướng tăng tỷ trọng GDP trong khu vực công nghiệp, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng GDP của khu vực nông nghiệp. Trong giai đoạn phát triển, nước ta luôn coi trọng việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là nguồn vốn FDI³, góp phần quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bài viết này trên cơ sở lý luận về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế để phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại Việt Nam giai đoạn 2010 – 2019, từ đó kiến nghị các chính sách đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong giai đoạn 2021-2030.

2. Lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu ngành kinh tế có thể được hiểu là sự tương quan trong tổng thể nền kinh tế, thể hiện mối quan hệ hữu cơ và sự tác động qua lại về số và chất lượng giữa các ngành khác nhau (Ngô, 2013). Cơ cấu ngành kinh tế sẽ vận động hướng về mục tiêu cụ thể và thay đổi để phù hợp với từng thời kỳ phát triển của nền kinh tế - xã hội.

Lý thuyết chuyển dịch cơ cấu kinh tế ra đời kể từ khi lý thuyết kinh tế bắt đầu có sự quan tâm đáng kể đến sự thay đổi cơ cấu trong nền kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là quá trình thay đổi của cơ cấu ngành từ trạng thái này sang trạng thái khác ngày càng hoàn thiện hơn, phù hợp với môi trường và điều kiện phát triển (Nguyễn, 2015). Nguyễn và Bùi (2007) cho rằng chuyển dịch cơ cấu ngành mô tả sự thay đổi về tỷ trọng các bộ phận cấu thành của đại lượng tổng trong dài hạn nhằm phân biệt với thay đổi về cơ cấu kinh tế trong ngắn hạn do tác động của dao động kinh tế. Nguyễn và các cộng sự (2020) nhấn mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành là sự

¹ GDP: Tổng sản phẩm trong nước

² CDCCKT: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

³ FDI: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

thay đổi tỷ trọng của các thành phần kinh tế trong cơ cấu kinh tế từ trạng thái này sang trạng thái khác nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế. Theo Hoàng (2020), “Chuyển dịch cơ cấu ngành đề cập đến những thay đổi trong cơ cấu ngành của một nền kinh tế và có thể được định nghĩa là sự chuyển dịch từ các ngành kinh tế với năng suất thấp và thâm dụng lao động sang các ngành có năng suất cao hơn và các ngành thâm dụng kỹ năng hoặc kiến thức của một nền kinh tế.”

Các nghiên cứu thực nghiệm đều chỉ ra rằng tăng trưởng và phát triển kinh tế ở các quốc gia luôn gắn liền với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Theo mô hình các giai đoạn tăng trưởng kinh tế của Rostow (1960), chuyển dịch cơ cấu ngành có thể được xem là sự thay đổi trong tỷ trọng ngành của GDP hay sự chuyển dịch các nguồn lực ra khỏi khu vực nông nghiệp truyền thống có năng suất để tích lũy vốn trong khu vực công nghiệp với năng suất cao hơn. Trong nghiên cứu của Kuznets (1961) đề cập đến mối quan hệ giữa cơ cấu kinh tế và thu nhập giữa các quốc gia: các khía cạnh chính của chuyển đổi cơ cấu là tỷ trọng nông nghiệp giảm trong tổng sản lượng, và chuyển từ khu vực nông nghiệp có thu nhập thấp sang khu vực công nghiệp có thu nhập cao. Kuznets đã chia nền kinh tế thành ba ngành: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ; đồng thời nhận thấy một xu hướng rõ nét rằng: tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP của các nước được nghiên cứu đều giảm nhanh, còn tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ lại gia tăng. Pasinetti (1981) nhận định rằng: chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một hệ quả tất yếu của tăng trưởng kinh tế, do trong quá trình tăng trưởng sẽ có ngành đạt đến mức giới hạn, khi đó nguồn lực sẽ dịch chuyển đến các ngành khác. Paul (2018) cho rằng chuyển đổi cơ cấu ngành là việc phân bổ lại hoạt động kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất và dịch vụ, được đặc trưng bởi một dòng chảy nguồn lực - chủ yếu là lao động - từ nông nghiệp sang các hoạt động kinh tế hiện đại với năng suất lao động cao hơn. Vì lý do này, chuyển đổi cơ cấu có thể dẫn đến tăng năng suất và thu nhập (McMillan & Rodrik (2011); Herrendorf và các cộng sự (2013)).

Cơ cấu kinh tế ngành hướng tới sự thay đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác ngày càng hoàn thiện hơn với biểu hiện thực tế là sự sụt giảm tỷ trọng GDP và lao động trong khu vực nông nghiệp và sự gia tăng tỷ trọng GDP và lao động trong khu vực công nghiệp và dịch vụ theo thời gian. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo chiều hướng hợp lý sẽ góp thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống xã hội. Xuyên suốt chiều dài lịch sử, các quốc gia có nền công nghiệp phát triển, tập trung vào việc phát triển công nghiệp nặng. Trong khi đối với các quốc gia có xuất phát điểm là ngành nông nghiệp, tập trung nguồn lực vào việc xây dựng, phát triển ngành nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là một yếu tố quan trọng trong việc phản ánh trình độ phát triển kinh tế của một quốc gia. Bên cạnh đó, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế thúc đẩy sự phát triển hợp lý, đồng đều; khai thác các tiềm lực tự nhiên, lao động một cách hiệu quả nhất của các vùng. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế hợp lý sẽ thúc đẩy nền kinh tế phát triển, góp phần tăng vị thế của quốc gia trên đấu trường quốc tế. Theo Nguyễn và Bùi (2007), thì chuyển dịch cơ cấu nói chung và chuyển dịch cơ cấu ngành nói riêng có thể diễn ra theo tín hiệu thị trường (là quá trình quyết định đầu tư vào một ngành nào đó được thực hiện theo dẫn dắt của thị trường và người đầu tư kỳ vọng hoạt động của họ sẽ có lợi nhuận. Biểu hiện của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế qua nhiều dấu hiệu đặc trưng như sự thay đổi cơ cấu GDP, cơ cấu lao động làm việc trong nền kinh tế, cơ cấu vốn đầu tư và cơ cấu hàng xuất khẩu.

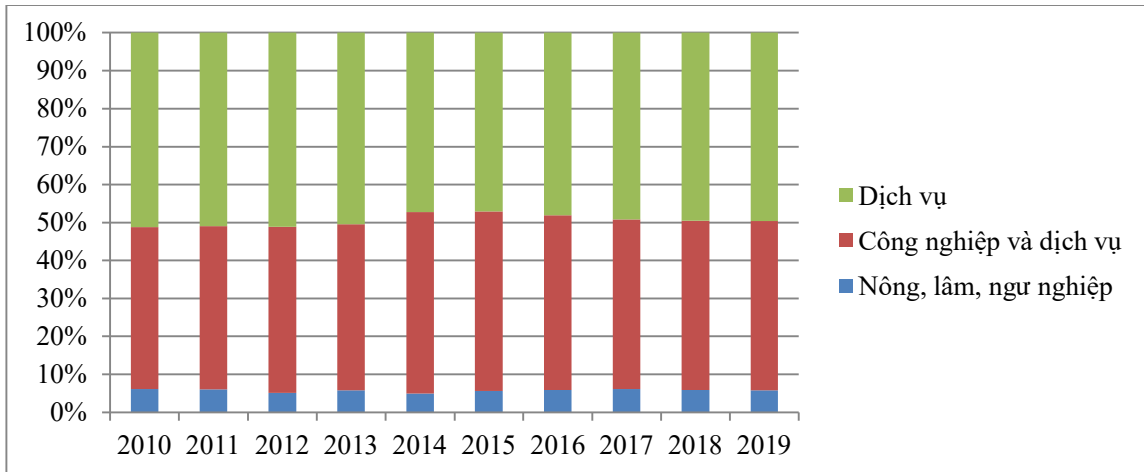
3. Phương pháp và số liệu nghiên cứu

Bài báo sử dụng dữ liệu bảng của 63 tỉnh/thành ở Việt Nam trong giai đoạn 2010-2019.

Thông qua phương pháp thống kê mô tả, nghiên cứu phân tích chi tiết tỷ trọng các ngành kinh tế trong tổng sản phẩm quốc dân tại Việt Nam.

4. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành tại Việt Nam giai đoạn 2010 – 2019

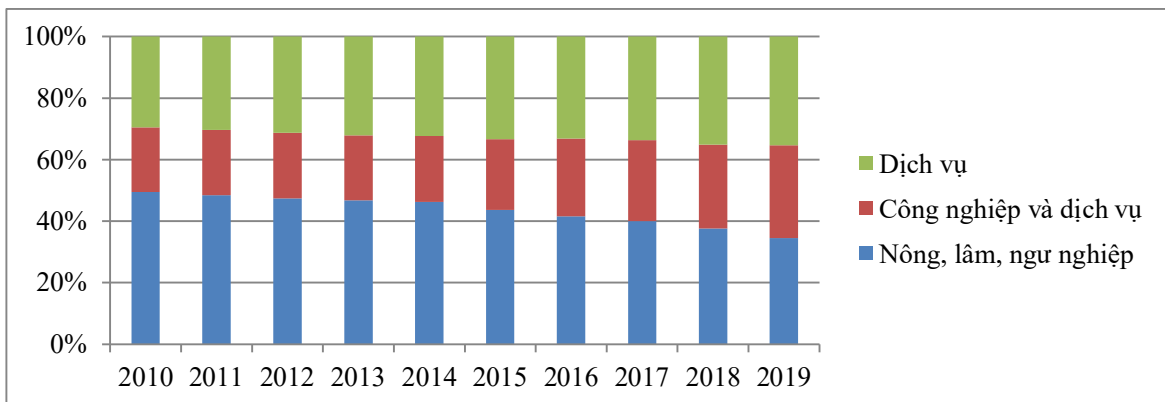
Trong giai đoạn 2010-2019, sự chuyển dịch trong tỷ trọng đầu tư toàn xã hội theo ngành có sự biến động nhẹ và khác nhau theo từng ngành. Hình 1 cho thấy tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong cơ cấu đầu tư toàn xã hội nhìn chung giảm (giảm từ 6.15% năm 2010 còn 5.85% năm 2019).



Hình 1. Đầu tư toàn xã hội theo ngành kinh tế từ 2010 – 2019

Nguồn: Nhóm tác giả vẽ biểu đồ từ số liệu của Niên giám thống kê (2021)

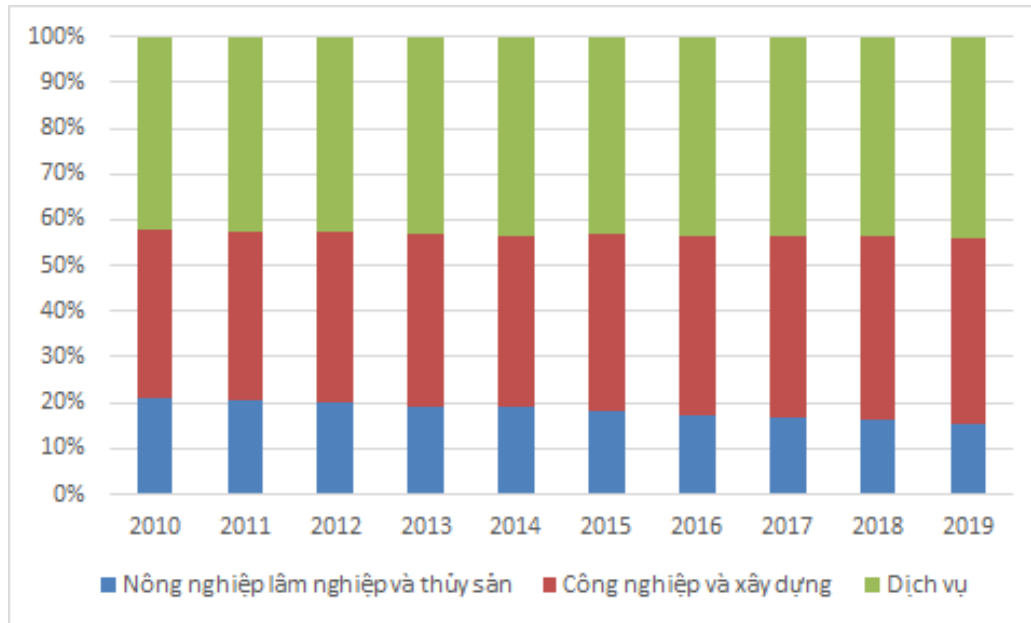
Ngược lại, tỷ trọng ngành công nghiệp có xu hướng tăng trong tổng tỷ trọng đầu tư toàn xã hội theo ngành kinh tế, tuy vẫn còn biến động. Tỷ trọng ngành công nghiệp tăng từ 42.61% năm 2010 đến 47.66% năm 2014 rồi sụt giảm dần còn 44.54% vào năm 2019. Tuy nhiên, nhìn chung tỷ trọng ngành công nghiệp vẫn đang giữ xu hướng tăng so với giai đoạn trước đó. Bên cạnh đó, tỷ trọng ngành dịch vụ cũng có sự biến động tương ứng. Tỷ trọng của ngành giảm từ 51.24% năm 2010 còn 47.12% năm 2015 nhưng sau đó biến động tăng trở lại, đến năm 2019, tỷ trọng ngành dịch vụ trong tổng tỷ trọng đầu tư toàn xã hội theo ngành chiếm 49.6% , giữ tỷ trọng lớn nhất trong tổng tỷ trọng các ngành.



Hình 2. Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế từ 2010 – 2019

Nguồn: Nhóm tác giả vẽ biểu đồ từ số liệu của Niên giám thống kê (2021)

Từ giai đoạn 2010 đến 2019, nhìn chung cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế không có nhiều sự thay đổi, chủ yếu do giai đoạn này nền kinh tế đã bắt đầu tương đối ổn định và đã hình thành được xu hướng phát triển cốt lõi (hình 2). Song, cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế cũng có sự chuyển biến, phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đó, cơ cấu ngành nông nghiệp giảm từ 49.5% năm 2010 còn 34.5% năm 2019, giảm 1.435 lần. Trong khi đó, tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp đã có sự tăng trưởng so với giai đoạn trước đó. Tăng từ 20.9% năm 2010 lên 30.2% năm 2019, tăng 1.45 lần. Tương tự, tỷ trọng lao động làm việc trong ngành dịch vụ cũng có xu hướng tăng khi có sự dịch chuyển tăng từ 29.6% năm 2010 lên 35.3% năm 2019, tăng 1.2 lần.



Hình 3. Cơ cấu GDP theo ngành kinh tế giai đoạn năm 2010 – 2019

Nguồn: Nhóm tác giả vẽ biểu đồ từ số liệu của Niên giám thống kê (2021)

Về cơ cấu GDP theo ngành kinh tế nhìn chung cũng có sự biến động tương quan với sự chuyển dịch về tỷ trọng đầu tư toàn xã hội cũng như tỷ trọng phân bổ lực lượng lao động trong các ngành kinh tế. Từ năm 2010 đến 2019, có sự biến động không đồng đều giữa cơ cấu GDP theo các ngành. Tỷ trọng ngành nông nghiệp có xu hướng giảm, giảm từ 21.02% năm 2010 còn 15.39% năm 2019, giảm 1.366 lần (hình 3). Tỷ trọng ngành công nghiệp ít biến động hơn so với ngành nông nghiệp, sự thay đổi trong đóng góp của ngành công nghiệp trong GDP ít có sự thay đổi, năm 2010 ngành công nghiệp chiếm 36.74% cơ cấu, đến năm 2019 chiếm 40.79% cơ cấu, sự thay đổi biến động ở mức 1.11 lần (hình 3). Tương tự với sự dịch chuyển của ngành dịch vụ. Năm 2010, dịch vụ chiếm 42.24% cơ cấu GDP, đến năm 2019 tỷ trọng này là 43.82%, thay đổi 1.037 lần (hình 3). Sự thay đổi trên diễn ra dựa trên tác động chủ yếu của đường lối phát triển của chính phủ và Nhà nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ trong xu hướng và bối cảnh thời đại.

Như vậy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2019 có những đặc điểm chính sau: (1) Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã đi đúng hướng và đóng góp đáng kể cho tăng trưởng kinh tế. Tỷ trọng đóng góp vào GDP của các ngành kinh tế phù hợp với xu hướng phát triển của các nền kinh tế hiện đại, phát triển đi trước. (2) Cơ cấu kinh tế của thành phố đang có sự chuyển

dịch tích cực từ công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp sang dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Trong đó, ngành dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cao và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu GDP, lao động và đầu tư. Tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp vào cơ cấu GDP, lao động và đầu tư có xu hướng tăng trong. Tỷ trọng đóng góp của ngành nông nghiệp giảm nhanh trong cơ cấu GDP, lao động và đầu tư, đặc biệt giảm mạnh trong giai đoạn này. (2) Sự chuyển dịch của các yếu tố sản xuất (lao động, vốn) từ ngành có năng suất thấp là nông nghiệp sang các ngành có năng suất cao hơn là công nghiệp và dịch vụ, phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới.

5. Hàm ý chính sách

Để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam theo xu hướng của một nền kinh tế hiện đại, phát triển trong thời gian tới, một số giải pháp chủ yếu cần được nghiên cứu triển khai như sau:

Một là, chính phủ cần sớm ban hành một chương trình tổng thể để thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng sức cạnh tranh, có các mục tiêu định lượng cụ thể với lộ trình thực hiện rõ ràng, kèm theo các chính sách kinh tế, tài chính khả thi. Bên cạnh đó, cần đổi mới tư duy về chức năng quản lý kinh tế của nhà nước thông qua việc sử dụng công cụ kế hoạch hóa phù hợp với sự vận hành của cơ chế thị trường. Đổi mới công tác kế hoạch và quy hoạch thực chất là xác định lại vai trò của Nhà nước trong suốt quá trình dẫn dắt thị trường phát triển theo mục tiêu.

Hai là, sử dụng hiệu quả công cụ chính sách kinh tế - tài chính để thúc đẩy quá trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tái cấu trúc nội bộ các ngành kinh tế. Sự đổi mới quyết liệt các chính sách về thuế, phí, đất đai, đầu tư công, cung ứng dịch vụ công sẽ khuyến khích có điều kiện, thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa các doanh nghiệp tăng tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm và hình thành những "cụm liên kết sản xuất", góp phần giúp chuyển nền công nghiệp từ gia công sang sản xuất.

Ba là, sử dụng các tổ chức kinh tế của Nhà nước như công cụ để khắc phục và hạn chế những khuyết tật của thị trường. Mô hình kinh tế thị trường luôn luôn tồn tại những khuyết tật cố hữu, gắn liền với bản chất của nó mà chúng ta thường gọi là mặt trái của thị trường. Năng lực quản trị có hiệu quả của Nhà nước thể hiện ở khả năng sử dụng các công cụ để hạn chế những hệ quả tiêu cực do các "khuyết tật" đó gây ra. Như vậy, vấn đề cải cách ở đây là sự can thiệp vào thị trường bằng sức mạnh vật chất của Nhà nước. Đặc biệt là tập trung "tái cấu trúc" lực lượng doanh nghiệp nhà nước, để làm tốt vai trò tham gia điều tiết thị trường, cung cấp các loại "hàng hóa và dịch vụ công cộng" phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Hiện có những lĩnh vực cần sự can thiệp mạnh của lực lượng kinh tế nhà nước như cung cấp hàng hóa và dịch vụ công cộng; Các ngành kinh tế có hiệu quả sinh lời thấp, nhưng cần thiết cho quá trình công nghiệp hóa như cơ khí chế tạo, công nghiệp phụ trợ, đầu tư cho thị trường bất động sản sơ cấp, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghiệp công nghệ cao...

Tài liệu tham khảo

Herrendorf, B., Rogertion, R. & Valentinyi, A. (2013), "Two perspectives on preferences and structural transformation", *American Economic Review*, Vol. 103 No. 7, pp.2752 - 2789.

Hoàng, M.H. (2020), *Các mô hình phân tích tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.

Kuznets, S. (1961), "Quantitative aspects of the Economic growth of Nations, IV, Longterm

Trends in Capital Formation Proportions”, *Economic Development and Cultural Change*, Vol.9. No. 2, pp. 1- 80.

McMillan, M. & Rodrik, D. (2011), “Globalization, Structural Change, and Productivity Growth”, In Bacchetta, M. and Jansen, M. (editor), *Making Globalization Socially Sustainable*, pp.49 - 84, Geneva.

Ngô, T.L. (2013), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, Nhà xuất bản Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Nguyễn, T.C.V. (2015), *Các mô hình phân tích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội.

Nguyễn, T.T.A.và Bùi, T.P.L. (2007), *Đánh giá đóng góp của các ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành đến tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ.

Nguyen, X.H *et al.* (2020), “Impact of Foreign Direct Investment on Economic Restructuring in Bac Ninh”, *European Journal of Business and Management* ,Vol.12 No.15, 2020, pp. 19 - 21.

Pasinetti, L. (1981), *Structural Change and Economic Growth. A Theoretical Essay on the Dynamics of the Wealth of Nations*, Cambridge: Cambridge University Press, Cambridge.

Paul, S. (2018), Kuznets Beyond Kuznets: Structural Transformation and Income Inequality in the Era of Globalization in Asia, *Asian Development Bank Institute Press*, pp. 200 - 210.

Rostow, W.W. (1960), “The Five Stages of Growth-A Summary”, *The Stages of Economic Growth: A Non-Communist Manifesto*, Cambridge: Cambridge University Press, Cambridge, pp. 4 - 16.

Tổng cục Thống kê. (2010), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội.

Tổng cục Thống kê. (2011), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội.

Tổng cục Thống kê. (2012), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội.

Tổng cục Thống kê. (2013), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội.

Tổng cục Thống kê. (2014), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội.

Tổng cục Thống kê. (2015), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội.

Tổng cục Thống kê. (2016), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội.

Tổng cục Thống kê. (2017), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội.

Tổng cục Thống kê. (2018), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội.

Tổng cục Thống kê. (2019), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê, Hà Nội.